

TÒA ÁN NHÂN DÂN

**THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Vân Anh

2. Ông Đỗ Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 31/2021/TBMPT-D ngày 03/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N

Địa chỉ: Số 198, T, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1986

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Phú Thọ

Theo văn bản ủy quyền số 708/UQ-PHT-HCNS ngày 16/11/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Phú Thọ

Bị đơn: Ông Trần Cẩm Th, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ 9, khu Thanh Xuân, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

(Ông T có mặt, ông Th vắng mặt không có lý do)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Cẩm Th đã ký các Hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP N – CN Phú Thọ như sau:

1. Hợp đồng cho vay từng lần số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 840.000.000đ (Tám trăm bốn mươi triệu đồng). Dư nợ gốc còn lại là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Lãi trên nợ gốc là 100.910.437đ (Một trăm triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 15.641.111đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn một trăm mười một đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 676.551.548đ (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

2. Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/CN-ĐB/DHTL 484 ngày 11/07/2017, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 1.031.250.000 (Một tỷ không trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Dư nợ gốc còn lại là 1.968.750.000 (Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Lãi trên nợ gốc là 341.106.164đ (Ba trăm bốn mươi một triệu một trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 19.505.137đ (Mười chín triệu năm trăm linh năm nghìn một trăm ba mươi bảy đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 2.329.361.301đ (Hai tỷ ba trăm hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm linh một đồng).

3. Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/CN-ĐB/DHTL 128 ngày 12/02/2018, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 100.000.000 (Một trăm triệu đồng). Dư nợ gốc còn lại là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). Lãi trên nợ gốc là 35.556.712đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.738.493đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 238.295.205đ (Hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

4. Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/CN-DB/DHTL 818 ngày 19/12/2019, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Dư nợ gốc còn lại là 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Lãi trên nợ gốc là

574.286.510đ (Năm trăm bảy mươi tư triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm mười đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 13.927.226đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 2.388.213.736đ (Hai tỷ ba trăm tám mươi tám triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

5. Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20/CN-ĐB/DHTL 35 ngày 09/01/2020, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Lãi trên nợ gốc là 288.904.110đ (Hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.021.986đ (Năm triệu không trăm hai mươi một nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Tổng cộng tiền lãi là 293.926.096đ (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Tài sản thế chấp đảm bảo các khoản tiền vay trên :

- 01 xe ô tô LEXUS theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013313 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/07/2014 mang tên ông Nguyễn Công N theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: 17/PTVT/91 ngày 10 tháng 02 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 212; Tờ bản đồ số 16; Diện tích 118,0m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu 5, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 528668 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 06/07/2017 mang tên ông Trần Cẩm Th và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà 3 tầng 1 tum, diện tích xây dựng khoảng 70 m<sup>2</sup>/ sàn, kết cấu bê tông cốt thép. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 17/BDS/484B ngày 10 tháng 07 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 50; Tờ bản đồ số: 16; Diện tích 58,4m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu T, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 244093 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 26/12/2019 mang tên ông Trần Cẩm Th và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà 1 tầng không đồ mái. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 20/BDS/35 ngày 09 tháng 01 năm 2020 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 372; Tờ bản đồ số: 23; Diện tích: 720m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu 4B, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 771835 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 14/08/2018 cho ông Trần Cẩm Th. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 19/BDS/818 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th đã trả tiền cho ngân hàng vì vậy ngân hàng đã trả tài sản thế chấp này cho ông Trần Cẩm Th nên không đề nghị toà án giải quyết đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 19/BDS/818 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

Trong quá trình vay vốn, ông Trần Cẩm Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thống nhất giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th, dẫn đến các khoản vay bị quá hạn và chuyển nợ xấu. Chi tiết như sau: Khoản vay của ông Trần Cẩm Th chuyển Nhóm nợ 2 ngày 14/05/2020; Nhóm nợ 3 ngày 03/08/2020; Nhóm nợ 4 ngày 01/11/2020 và Nhóm nợ 5 ngày 22/11/2020. Trong quá trình thương lượng giải quyết, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đốc thúc, bàn bạc để tháo gỡ khó khăn nhưng không nhận được sự hợp tác từ ông Trần Cẩm Th. Ngân hàng đã gửi các Thông báo nợ quá hạn ngày các ngày 20/07/2020, Thông báo thu hồi nợ trước hạn các ngày 03/08/2020, ngày 22/10/2020 nhưng cho đến nay ông Th vẫn không thực hiện theo yêu cầu trả nợ của Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án giải quyết:

Một là: Tòa án tuyên buộc ông Trần Cẩm Th phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 24/12/2021 (do tiền lãi vẫn đang tiếp tục phát sinh): 5.926.347.886 đồng, trong đó nợ gốc là 4.528.750.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 1.340.763.933 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 56.833.953 đồng.

Hai là: Buộc ông Trần Cẩm Th thực hiện nghĩa vụ bảo đảm để thu hồi nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nếu không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP N đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Trần Cẩm Th trình bày tại Bản tự khai ngày 24/8/2021 như sau:

Ông đã ký vay Ngân hàng thương mại cổ phần N theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng cho vay từng lần số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/CN-ĐB/DHTL 484 ngày 11/07/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/CN-ĐB/DHTL 128 ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/CN-ĐB/DHTL 818 ngày 19/12/2019; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20/CN-ĐB/DHTL 35 ngày 09/01/2020 và các tài sản thế chấp gắn liền theo các hợp đồng tín dụng. Đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần N ông sẽ thu xếp trả cho Ngân hàng trước ngày 30/9/2021 (Theo biên bản cam kết đã ký với ngân hàng ngày 14/8/2021).

**\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227; 228 BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/QH14/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.
- Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Trần Cẩm Th có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn như đã thoả thuận trong các Hợp đồng số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017, Hợp đồng số 17/CN-ĐB/DHTL484 ngày 11/7/2017,

Hợp đồng số 18/CN-ĐB/DHTL128 ngày 12/02/2018, Hợp đồng số 19/CN-ĐB/DHTL818 ngày 19/12/2019 và Hợp đồng số 20/CN-ĐB/DHTL35 ngày 09/01/2020 tính đến ngày xét xử cho Ngân hàng. Kể từ ngày tiếp theo xét xử cho đến khi thi hành án xong, ông Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Th không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đối với 01 xe ô tô Lexus, 01 quyền sử dụng thửa đất số 212 và tài sản gắn liền với đất, 01 quyền sử dụng thửa đất số 50 và tài sản gắn liền với đất. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Th có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng.

- Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP N đã chi trả tiền chi phí thẩm định, giám định đồng thời không có yêu cầu đề nghị gì.

- Về án phí: Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.926.347 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 9, khu Thanh Xuân, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trần Cẩm Th đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Trần Cẩm Th có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Phú Thọ các Hợp đồng vay vốn cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 840.000.000đ (Tám trăm bốn mươi triệu đồng). Dư nợ gốc còn lại là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Lãi trên nợ gốc là 100.910.437đ (Một trăm triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là

15.641.111đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn một trăm mười một đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 676.551.548đ (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/CN-ĐB/DHTL 484 ngày 11/07/2017, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 1.031.250.000 (Một tỷ không trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Dư nợ gốc còn lại là 1.968.750.000 (Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Lãi trên nợ gốc là 341.106.164đ (Ba trăm bốn mươi một triệu một trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 19.505.137đ (Mười chín triệu năm trăm linh năm nghìn một trăm ba mươi bảy đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 2.329.361.301đ (Hai tỷ ba trăm hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm linh một đồng).

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/CN-ĐB/DHTL 128 ngày 12/02/2018, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 100.000.000 (Một trăm triệu đồng). Dư nợ gốc còn lại là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). Lãi trên nợ gốc là 35.556.712đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.738.493đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 238.295.205đ (Hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/CN-ĐB/DHTL 818 ngày 19/12/2019, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Dư nợ gốc còn lại là 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Lãi trên nợ gốc là 574.286.510đ (Năm trăm bảy mươi tư triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm mười đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 13.927.226đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 2.388.213.736đ (Hai tỷ ba trăm tám mươi tám triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20/CN-ĐB/DHTL 35 ngày 09/01/2020, ông Trần Cẩm Th vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Kể từ khi vay cho đến nay, ông Th đã trả 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Lãi trên nợ gốc là 288.904.110đ (Hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng). Lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.021.986đ (Năm triệu không trăm hai mươi một nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Tổng cộng tiền lãi là 293.926.096đ (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Như vậy các Hợp đồng cho vay từng lần số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/CN-ĐB/DHTL 484 ngày 11/07/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/CN-ĐB/DHTL 128 ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/CN-ĐB/DHTL 818 ngày

19/12/2019; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20/CN-ĐB/DHTL 35 ngày 09/01/2020 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.2]. Xét về trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Trần Cẩm Th trong các Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng cho vay từng lần số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/CN-ĐB/DHTL 484 ngày 11/07/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/CN-ĐB/DHTL 128 ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/CN-ĐB/DHTL 818 ngày 19/12/2019; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20/CN-ĐB/DHTL 35 ngày 09/01/2020; các Giấy rút tiền; các Giấy nhận nợ và các Hợp đồng thế chấp là Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: 17/PTVT/91 ngày 10 tháng 02 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 17/BDS/484B ngày 10 tháng 07 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 20/BDS/35 ngày 09 tháng 01 năm 2020 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 19/BDS/818 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

Tại bản Kết luận giám định số 670/KLGD ngày 07/6/2021 kết luận:

*Chữ ký đứng tên Trần Cẩm Th dưới mục “Ông Trần cẩm Th với tư cách là bên thế chấp; Bên bảo đảm; Bên thế chấp” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8) so với chữ ký đứng tên Trần cẩm Th trên tài liệu mẫu so sánh (ký kiện M1, M2, M3) là do cùng một người ký ra.*

*Các chữ “Trần Cẩm Th” dưới mục “Ông Trần Cẩm Th với tư cách là bên thế chấp; Bên bảo đảm; Bên thế chấp” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8) so với chữ viết trên “Đơn đề nghị; Bản tự khai”(tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) và các chữ “Trần Cẩm Th” dưới mục “người giao nộp tài liệu, chứng cứ” trên “Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ”(tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.*

Tại bản Kết luận giám định số 680/KLGD-PC09 ngày 07/6/2021 kết luận:

*Chữ ký đứng tên Trần Cẩm Th và các chữ “Trần Cẩm Th” dưới mục “Khách hàng; Chủ tài khoản ký & đóng dấu; Người nhận tiền ký” trên “03 Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn; 03 Giấy nhận nợ; 03 Giấy rút tiền; 03 Phương án sử dụng vốn” (có nội dung ghi tại mục II “Mẫu cần giám định”) (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12) so với chữ ký đứng tên Trần Cẩm Th và các chữ “Trần Cẩm Th” dưới mục “Người viết đơn; Người tự khai; Người giao nộp tài liệu, chứng cứ” trên*

*“Đơn đề nghị; Bản tự khai; Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ” (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký và viết ra.*

Tại bản Kết luận giám định số 675/KLGD-2021 ngày 08/6/2021 kết luận:

*Chữ ký đứng tên Trần Cẩm Th và các chữ “Trần Cẩm Th” dưới mục “Bên vay; Người đại diện hợp pháp của bên vay; Chủ tài khoản và đóng dấu, người nhận tiền ký; Người đề nghị vay vốn; Khách hàng; Chủ tài khoản ký và đóng dấu; Người nhận tiền ký; Khách hàng” trên “Hợp đồng cho vay từng lần; Giấy nhận nợ; Giấy rút tiền; Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn; Giấy nhận nợ; Giấy rút tiền; Phương án sử dụng vốn” (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A4, A5, A6, A7, A8) so với chữ ký đứng tên Trần Cẩm Th và các chữ “Trần Cẩm Th” dưới mục “Người viết đơn; Người tự khai; Người giao nộp tài liệu, chứng cứ” trên “Đơn đề nghị; Bản tự khai; Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ” (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký và viết ra.*

Tại Bản tự khai ngày 24/8/2021, ông Trần Cẩm Th thừa nhận đã ký vay Ngân hàng thương mại cổ phần N theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số 17/CN-ĐB/THTL91 ngày 10/02/2017; Hợp đồng số 17/CN-ĐB/DHTL 484 ngày 11/07/2017; Hợp đồng số 18/CN-ĐB/DHTL 128 ngày 12/02/2018; Hợp đồng số 19/CN-ĐB/DHTL 818 ngày 19/12/2019; Hợp đồng số 20/CN-ĐB/DHTL 35 ngày 09/01/2020 và các tài sản thế chấp gắn liền theo các hợp đồng tín dụng. Đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần N ông sẽ thu xếp trả cho Ngân hàng trước ngày 30/9/2021 (Theo biên bản cam kết đã ký với ngân hàng ngày 14/8/2021).

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Cẩm Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đã được thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông Th trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông không thực hiện trả. Vì vậy Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Trần Cẩm Th thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 24/12/2021 là: 5.926.347.886 đồng, trong đó nợ gốc là 4.528.750.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 1.340.763.933 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 56.833.953 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3]. Xét các Hợp đồng thế chấp và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Trần Cẩm Th:

Việc ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và các Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nội dung hình thức phù hợp với các qui định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Do vậy, nếu ông Trần Cẩm Th không trả được tiền vay thì phải phát mại tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Trần Cẩm Th để trả khoản tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N . Cụ thể như sau:



- 01 xe ô tô LEXUS theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013313 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/07/2014 cho ông Nguyễn Công Nam theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện giao thông đường bộ số: 17/PTVT/91 ngày 10 tháng 02 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 212; Tờ bản đồ số 16; Diện tích: 118,0m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu 5, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 528668 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 06/07/2017 mang tên ông Trần Cẩm Th và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 17/BDS/484B ngày 10 tháng 07 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 50; Tờ bản đồ số: 16; Diện tích: 58,4m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu Thanh Xuân, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 244093 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 26/12/2019 mang tên ông Trần Cẩm Th và tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 20/BDS/35 ngày 09 tháng 01 năm 2020 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất này. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất của ông Th và lấy lời khai của hai hộ liền kề thấy rằng ông Th không xây dựng tường trên đất mà chỉ tiến hành gắn mái tôn dựa vào tường nhà của anh Tạ Xuân Lộc và nhà của ông Đào Phương Bắc, bà Hà Thị Kim Long. Ngân hàng thương mại cổ phần N đồng ý với hiện trạng Tòa án thẩm định, xem xét tại chỗ và không đề nghị gì.

Đối với thửa đất số 372; Tờ bản đồ số: 23; Diện tích: 720m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu 4B, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 771835 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 14/08/2018 mang tên ông Trần Cẩm Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 19/BDS/818 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng và ông Trần Cẩm Th: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/8/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần N đã rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản này nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án.

### [3] Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp và giám định chữ viết, chữ ký của ông Trần Cẩm Th. Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định chữ viết, chữ ký và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các chi phí tố tụng này. Vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N được chấp nhận nên ông Trần Cẩm Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Trần Cẩm Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/12/2021 là: 5.926.347.886 đồng (Năm tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 4.528.750.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi trên nợ gốc là 1.340.763.933 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 56.833.953 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn chín trăm năm mươi ba đồng).

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Trần Cẩm Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản của ông Trần Cẩm Th đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: 17/PTVT/91 ngày 10 tháng 02 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 17/BDS/484B ngày 10 tháng 07 năm 2017 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 20/BDS/35 ngày 09 tháng 01 năm 2020 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Trần Cẩm Th để thu hồi nợ. Cụ thể như sau:

- 01 xe ô tô LEXUS theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013313 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/07/2014.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 212; Tờ bản đồ số 16; Diện tích: 118,0m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu 5, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 528668 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 06/07/2017 mang tên ông Trần Cẩm Th và tài sản gắn liền trên đất.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 50; Tờ bản đồ số: 16; Diện tích: 58,4m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Khu Thanh Xuân, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 244093 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 26/12/2019 cho ông Trần Cẩm Th và tài sản gắn liền trên đất.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Trần Cẩm Th vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Không đặt ra giải quyết trong vụ án vì Ngân hàng thương mại cổ phần N không đề nghị giải quyết.

5. Về án phí:

Ông Trần Cẩm Th phải chịu 113.926.347 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N 58.260.000 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0001464 ngày 25/11/2020.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”*

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Lưu VP, HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ngọc Lan**

